

Bản án số: 70 /2023/HS-ST

Ngày: 21- 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản;

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải;

2. Bà Hà Thị Dung;

3. Ông Vi Tuấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2023/TLST-HS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1974; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Họ và tên bố: Nguyễn Đức L, (đã chết); H và tên mẹ: Phạm Thị N. Vợ: Nguyễn Thị Minh H1 và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 22/6/1994 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản công dân”

+ Ngày 21/3/2001 Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xử phạt 7 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

+ Ngày 06/8/2010 Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ Ngày 31/5/2016 TAND TP Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

+ Ngày 04/11/2016 TAND TP Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt với bản án ngày 31/5/2016 là 54 tháng tù giam.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

* **Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử:** Luật sư Thiệu Thị Thanh H2, Văn phòng L3, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên**,

(có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Minh H1; sinh năm 1968

Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

* **Người chứng kiến:** .Phạm Tùng L1; sinh năm 1992

Trú tại: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt)

* **Người làm chứng:** Nguyễn Thị L2; sinh năm 1992

Trú tại: Căn D Tòa A Chung cư T, Tổ H phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 50 phút ngày 11/5/2023 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh T đã phối hợp với chính quyền địa phương thuộc tổ H, phường H thành phố T tiến hành kiểm tra phát hiện thu giữ trong túi quần bên trái D đang mặc 03 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa các cục chất bột màu trắng (D khai nhận là ma túy loại Heroine) và 03 túi nilon (trong đó hai túi màu xanh, một túi màu hồng) bên trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng (D khai là ma túy tổng hợp hồng phiến) đưa vào bì niêm phong ký hiệu D. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, vỏ màu xanh, có 2 số IMEI lần lượt là: 868424060440446, 868424060440453, được lắp hai thẻ SIM có số thuê bao là: 0357.429.959 và 0353.068.008 đưa vào niêm phong ký hiệu Đ; 01 căn cước công dân số 019074000547 mang tên Nguyễn Đức D; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, sơn màu đỏ, biển kiểm soát 20B1-810.20 và số tiền 500.000đ.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức D tại tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Mở niêm phong cân xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định đối với số vật chứng thu giữ của D, kết quả: Trong bì niêm phong D có 03 túi nilon màu trắng bên trong đều chứa các cục chất bột màu trắng và 03 túi nilon (02 túi màu xanh, 01 túi màu hồng) bên trong đều chứa các viên nén màu hồng. Qua kiểm đếm tổng số các viên nén màu hồng có trong ba túi nilon là: 594 viên.

Cân toàn bộ số cục chất bột màu trắng có tổng khối lượng là: **108,92** gam, lấy 3,44 gam niêm phong ký hiệu G1 làm mẫu gửi giám định. Còn lại 105,48 gam niêm phong ký hiệu L1 để lưu kho.

Cân toàn bộ 594 viên nén màu hồng có tổng khối lượng là: **54,39** gam, lấy 20 viên có khối lượng là 1,80 gam niêm phong ký hiệu G2 làm mẫu gửi giám định. Còn lại 574 viên có khối lượng là 52,59 gam niêm phong ký hiệu L2 để lưu kho.

Tại bản kết luận giám định số 688 /KL-KTHS ngày 20/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Cục chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Heroine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 108,92 gam

Các viên nén màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu G2 gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 54,39 gam.

Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 10 giờ ngày 11/5/2023 khi D đang ở nhà tại tổ H, phường H, TP T, tỉnh Thái Nguyên thì có một người nam giới (không rõ họ tên và địa chỉ) đến hỏi mua 03 túi heroine và 03 túi ma túy tổng hợp hồng phiến với giá thỏa thuận là 25.000.000đ/ 01 túi heroine và 5.500.000đ/ 01 túi ma túy tổng hợp hồng phiến, D đồng ý và hẹn đúng 12h cùng ngày đến khu vực gần cổng Công ty M thuộc tổ H, phường H, TP T để hai bên trực tiếp mua bán ma túy. Sau đó D gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1992, nhà ở tầng 4, tòa nhà A chung cư T thuộc phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên để hỏi mua ma túy. L2 nói giá của 01 túi heroine là 21.000.000đ và 01 túi ma túy tổng hợp hồng phiến là 2.500.000đ và hẹn D khoảng 10 giờ 30 phút đến khu vực cầu sắt gần nhà L2 để mua bán ma túy. Đến hẹn D một mình điều khiển xe mô tô BKS: 20B1-810.20 đến khu vực cầu S để gặp L2, khi đến nơi thì thấy L2 cũng điều khiển xe điện màu hồng đến, tại đây L2 bán chịu cho D 03 túi Heroin và 03 túi hồng phiến, D hẹn L2 khi nào bán được ma túy sẽ trả tiền cho L2. Sau khi mua được ma túy D đem về nhà cất giấu, đến khoảng 12 giờ cùng ngày D lấy toàn bộ số ma túy vừa mua được của L2 cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô BKS: 20B1-810.20 đi đến đoạn trước cổng Công ty Cổ phần Đ thuộc tổ H, phường H, thành phố T đứng chờ khách đến mua thì bán nhưng chưa kịp bán thì

bị tổ công tác Công an tỉnh T yêu cầu kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như trên.

***Vật chứng của vụ án:** 108,92 gam Heroine, 54,39 gam Methamphetamine, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, vỏ màu xanh đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 019074000547 mang tên Nguyễn Đức D; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, sơn màu đỏ, biển kiểm soát 20B1-810.20 và số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKSTN-P1, ngày 02/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Phân luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng theo điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 38 xử phạt bị cáo 20 năm tù; phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy, vỏ bao thu giữ theo quy định.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại thu giữ của bị cáo; tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền tạm giữ của bị cáo; trả lại cho bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên bị cáo. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh H1 01 xe mô tô

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Tuy nhiên về hình phạt còn nghiêm khắc đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đến thái độ hoàn cảnh gia đình của bị cáo có thể áp dụng Điều 54 cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do hám lời, nên khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/5/2023, Nguyễn Đức D đi đến khu vực cầu S thuộc phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên mua của một người phụ nữ bị cáo cho rằng đó là Nguyễn Thị L2 **108,92 gam Heroine, 54,39 gam Methamphetamine** với tổng số tiền như đôi bên thỏa thuận 70.500.000 đồng để bán lại cho khách với giá 91.500.000 đồng. Khoảng 12 giờ cùng ngày D mang toàn bộ số ma túy trên đến khu vực cổng Công ty Cổ phần Đ thuộc tổ H, phường H, thành phố T để bán cho khách, nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Tổng khối lượng hai loại ma túy Diệp mua bán là **163,31 gam**.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Đức D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình

a,..

h, Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”

[3] Xét hành vi phạm tội bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bản thân bị cáo trong quá trình học tập sinh hoạt tại địa phương đã có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng Huy chương tuổi trẻ dũng cảm, tặng nhiều bằng khen, bản thân bị cáo là thương binh $\frac{3}{4}$ được hưởng chính sách theo trợ cấp hàng tháng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là thương binh không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ của bị cáo và các vỏ bao mẩu được niêm phong cần tịch thu tiêu hủy theo đúng quy định.

- 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo xác định bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc bị cáo mua bán ma túy nên trả lại cho bị cáo; tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Căn cước công dân là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo quản lý sử dụng

- 01 xe mô tô là tài sản của chị H1 khi cho bị cáo mượn không hề biết việc bị cáo dùng vào việc mua bán ma túy nên cần trả lại cho chị H1 quản lý sử dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát về phần hình phạt chính, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét theo quy định của pháp luật.

[8] Liên quan trong vụ án này, D khai ngày 11/5/2023 có người nam giới (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt mua ma túy của D, sau đó D đã mua ma túy của Nguyễn Thị L2, sinh năm 1992, nhà ở tầng 4, tòa nhà A chung cư T thuộc phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên để bán cho người nam giới trên. Nhưng do D không biết họ, tên, địa chỉ của người nam giới nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ, còn đối với Nguyễn Thị L2 quá trình điều tra L2 không thừa nhận có bán ma túy cho D như D đã khai, do đó không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với L2.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm v, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H3 20 (Hai mươi) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy gồm:**

+ 01 niêm phong ký hiệu **G1** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức T, Phan Thanh H4 và hình dấu tròn của Phòng K - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 3,430 gam mẫu G1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói;

+ 01 niêm phong ký hiệu **G2** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức T, Phan Thanh H4 và hình dấu tròn của Phòng K - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 1,70 gam mẫu G2 còn lại sau giám định và vỏ bao gói.

+ 01 niêm phong ký hiệu **L1** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Đức D cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 105,48 gam chất bột màu trắng phát hiện thu giữ của Nguyễn Đức D.

+ 01 niêm phong ký hiệu **L2** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Đức D cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 574 viên nén màu hồng phát hiện thu giữ của Nguyễn Đức D nghi là ma túy (Hồng phiến) = 52,59 gam.

+ 01 niêm phong ký hiệu **V** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Đức D cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Vỏ bao gói và bì niêm phong ban đầu. Thu giữ của Nguyễn Đức D SN: 1974.

*** Tịch thu sung quỹ nhà nước:** 01 niêm phong ký hiệu **Đ1** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Đức D cùng các thành phần tham gia và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T, bên ngoài ghi điện thoại thu giữ của Nguyễn Đức D.

*** Trả lại cho bị cáo:** 01 căn cước công dân số 019074000547 mang tên Nguyễn Đức D.

*** Tạm giữ để đảm bảo thi hành án** 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng N1

*** Trả lại cho chị** Nguyễn Minh H1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, màu sơn đỏ, BKS: 20B1-810.20, số máy: JF45E-0735858, số khung: RLHJF4511FY110710.

(Hiện nay vật chứng có tại kho của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 105 ngày 27/9/2023 và ủy nhiệm chi số 200/325 ngày 29/9/2023).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Văn Bản